TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số 30/2020/HNGĐ-ST Ngày 07-9-2020 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Hánh

Ông Nguyễn Đăng Luân

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Cương

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du:* Bà Nguyễn Thị Mai Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Hôm nay, ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 142/TLST-HNGĐ ngày ngày 02 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Kim T, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm C, thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Đào Văn M, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C, thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Bùi Kim T trình bày:

Chị kết hôn với anh Đào Văn M ngày 20/12/2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khi chị sinh cháu thứ hai năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn giữa chị và gia đình nhà chồng; mâu thuẫn về kinh tế giữa hai vợ chồng dẫn đến anh M thường xuyên đánh chửi chị, không tôn trọng chị và gia đình chị. Sau khi chị sinh cháu thứ 3 anh M tiếp tục đánh

chị, thời gian gần nhất cách đây khoảng hai tháng anh M đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã ra ngoài thuê nhà ở và hai vợ chồng có nói chuyện với nhau nhưng không có tiếng nói chung và không thể sống chung được với nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Đào Văn P, sinh ngày 20/8/2012; Đào Anh Đ, sinh ngày 30/8/2014 và Đào Phương L, sinh ngày 11/3/2018. Hiện nay hai cháu lớn đang ở với anh M, còn cháu L đang ở với chị. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu L, còn cháu P và cháu Đ để anh M nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay.

Phía bị đơn anh Đào Văn M trình bày: Anh nhất trí với chị T về điều kiện kết hôn nhưng vợ chồng không có mâu thuẫn gì.

Phía chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do giữa chị và gia đình nhà chồng; mâu thuẫn về kinh tế giữa hai vợ chồng dẫn đến anh thường xuyên đánh chửi chị, không tôn trọng chị và gia đình chị. Anh thấy không đúng vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ thường ngày. Hiện nay chị T bỏ ra ngoài sinh sống hơn 3 tháng. Gia đình có gọi chị T về nhiều lần nhưng chị T không về. Anh có ra chợ chỗ chị T bán hàng nhưng chị T không nói chuyện, đến chỗ trọ của chị T thì chị T không mở cửa anh chỉ nhắn tin nhưng chị T không trả lời. Nay chị T xin ly hôn anh thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có ba con chung là cháu Đào Văn P, sinh ngày 20/8/2012; Đào Anh Đ, sinh ngày 30/8/2014 và Đào Phương L, sinh ngày 11/3/2018. Từ khi chị T đi cả ba cháu đều ở với anh. Nếu ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cả ba cháu. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Bùi Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Đào Văn M và đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đào Phương L.

Anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy

định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dựa trên cơ sở tài liệu có trong hồ sơ và tranh luận, đối đáp của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51,56, 57, 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Giao cháu Đào Văn P, sinh ngày 20/8/2012; Đào Anh Đ, sinh ngày 30/8/2014 cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Đào Phương L, sinh ngày 11/3/2018 cho chị Bùi Kim T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con không đề cập giải quyết; Anh M, chị T được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1].Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* do nguyên đơn chị Bùi Kim T khởi kiện đối với bị đơn anh Đào Văn M ở thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Kim T có mặt. Bị đơn anh Đào Văn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Kim T kết hôn với anh Đào Văn M ngày 20/12/2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu không bị ép buộc.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Đào Văn M. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh M là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế giữa hai vợ chồng dẫn đến nhiều lần anh M đánh đập chị. Từ tháng 3/2020 đến nay chị T bỏ ra ngoài thuê nhà ở hai vợ chồng có nói chuyện nhưng không có tiếng nói chung vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân và gia

đình xét thấy cần chấp nhận đơn ly hôn của chị T xử cho chị được ly hôn anh M là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Đào Văn P, sinh ngày 20/8/2012; Đào Anh Đ, sinh ngày 30/8/2014 và Đào Phương L, sinh ngày 11/3/2018. Chị T có nguyện vọng nuôi cháu L; xét hoàn cảnh hiện nay mặc dù chị T đi thuê nhà nhưng chị đi bán hàng mức thu nhập khoảng 22.000.000đ/tháng. Mặt khác, hiện cháu Liễu dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu L cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Hiện cháu P và cháu Đ đang ở với anh M và chị T cũng nhất trí giao hai cháu cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng nên giao cháu P và cháu Đ cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị T, anh M được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình về việc nuôi dưỡng, thăm nom con sau khi ly hôn.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5].Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6].Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Chị Bùi Kim T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về phí, lệ phí. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Kim T được ly hôn anh Đào Văn M.

- *Về con chung*: Giao cháu Đào Văn P, sinh ngày 20/8/2012 và cháu Đào Anh Đ, sinh ngày 30/8/2014 cho anh Đào Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Đào Phương L, sinh ngày 11/3/2018 cho chị Bùi Kim T chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Bùi Kim T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000169 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Xuân Phong